

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 1989

PHÁP LỆNH

LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN VIỆT NAM

Để tăng cường bảo vệ trật tự, an toàn xã hội ;

Để xây dựng Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ;

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

Pháp lệnh này quy định về Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Bảo vệ trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân là lực lượng nòng cốt của Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ trật tự, an toàn xã hội. Trong phạm vi chức năng của mình, Lực lượng Cảnh sát nhân dân có nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội nhằm bảo vệ cuộc sống tự do, hạnh phúc, lao động hoà bình của nhân dân, tính mạng, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội ; bảo vệ chế độ kinh tế, sở hữu xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, nếp sống văn minh, lành mạnh trong nhân dân.

Điều 2

Lực lượng Cảnh sát nhân dân là một trong những lực lượng vũ trang của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Hội đồng bộ

trưởng, sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp và chịu sự chỉ huy tập trung, thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 3

Lực lượng Cảnh sát nhân dân hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, chịu sự giám sát của nhân dân.

Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và mọi công dân có quyền phê bình, góp ý kiến xây dựng Lực lượng Cảnh sát nhân dân; khiếu nại, tố cáo những việc làm sai trái và yêu cầu cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 4

Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm phối hợp với các lực lượng vũ trang khác và lực lượng nửa vũ trang, với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và dựa vào sức mạnh của toàn dân để thực hiện nhiệm vụ.

Các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mỗi công dân có trách nhiệm cộng tác, giúp đỡ Lực lượng Cảnh sát nhân dân làm tròn nhiệm vụ.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 5

Lực lượng Cảnh sát nhân dân chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ trật tự công cộng ; phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật và kiến nghị các biện pháp loại trừ những nguyên nhân, điều kiện đó.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân thực hiện việc xử phạt hành chính đối với các vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra của Lực lượng Cảnh sát nhân dân tiến hành theo các hoạt động điều tra và đề nghị truy tố người phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Điều 6

Lực lượng Cảnh sát nhân dân bảo vệ trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt ; cấp và kiểm tra đăng ký, bằng lái, giấy phép sử dụng và kiểm tra thiết bị an toàn các phương tiện giao thông vận tải đường bộ ; phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra thiết bị an toàn các phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường sắt khi có dấu hiệu không bảo đảm an toàn.

Điều 7

Lực lượng Cảnh sát nhân dân bảo đảm thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam do Hội đồng bộ trưởng quy định đối với những người đã có quyết định tạm giữ, tạm giam ; thi hành các bản án phạt tù, trừ các bản án do các tổ chức trong Quân đội nhân dân đảm nhiệm ; giáo dục, cải tạo phạm nhân thành những công dân có ích cho xã hội ; quản lý, giáo dục những người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân áp giải bị cáo, bảo vệ các phiên toà hình sự và khi có yêu cầu của Toà án nhân dân, bảo vệ các phiên toà dân sự, hỗ trợ các chấp hành viên của Toà án trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Điều 8

Lực lượng Cảnh sát nhân dân cộng tác chặt chẽ với Lực lượng An ninh nhân dân phát hiện, ngăn chặn, trấn áp kịp thời những hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ an toàn các cơ quan của Đảng, Nhà nước và tổ chức xã hội, an toàn các đoàn khách, cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và người nước ngoài ở Việt Nam.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân phối hợp với Quân đội nhân dân, bảo vệ an toàn các hoạt động của Quân đội nhân dân khi có yêu cầu và giải quyết những việc vi phạm trật tự, an toàn xã hội của quân nhân.

Điều 9

Lực lượng Cảnh sát nhân dân canh gác bảo vệ các mục tiêu, cơ sở quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và tổ chức thực hiện chế độ hợp đồng bảo vệ do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 10

Lực lượng Cảnh sát nhân dân thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân ; giúp nhân dân tìm địa chỉ người thân, tìm người bị lạc, người mất tích

; kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về cư trú, đi lại trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 11

Lực lượng Cảnh sát nhân dân quản lý công tác phòng cháy và chữa cháy ; đăng ký, quản lý vũ khí, trừ vũ khí, khí tài do Quân đội nhân dân quản lý ; kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo quản, vận chuyển, sử dụng chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ ; quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 12

Lực lượng Cảnh sát nhân dân phối hợp với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và dựa vào sự giúp đỡ của mọi công dân để đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, phòng ngừa tai nạn, thiên tai, dịch bệnh ; cứu giúp người bị nạn ; kiểm tra việc thực hiện các quy tắc về giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sống.

Điều 13

Lực lượng Cảnh sát nhân dân tổ chức hướng dẫn các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội ; chỉ đạo công tác và huấn luyện nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho các lực lượng bán chuyên trách, các tổ chức bảo vệ, góp phần xây dựng phong trào bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.

Điều 14

Lực lượng Cảnh sát nhân dân hỗ trợ các cơ quan Nhà nước thực hiện các quyết định, biện pháp do pháp luật quy định, nếu nhân viên của các cơ quan đó bị cản trở khi thừa hành nhiệm vụ.

Điều 15

Lực lượng Cảnh sát nhân dân phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân ý thức tôn trọng pháp luật, động viên và tổ chức nhân dân tham gia bảo vệ trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

Điều 16

Chỉ huy Lực lượng Cảnh sát nhân dân địa phương có trách nhiệm định kỳ báo cáo với Hội đồng nhân dân và thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình và công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Chỉ huy Lực lượng cảnh sát nhân dân địa phương có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về những vấn đề liên quan để phối hợp vận động nhân dân bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận về công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, về những việc làm trái pháp luật của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân.

Điều 17

Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân khi làm nhiệm vụ được ưu tiên đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng, được miễn cước phí giao thông trong thành phố, thị xã ; trong trường hợp cấp thiết để đuổi bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang có lệnh truy nã, để ngăn chặn hành động phạm tội đang được thực hiện, cấp cứu người bị nạn, được sử dụng các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân, kể cả người điều khiển các phương tiện đó, trừ các phương tiện của cơ quan ngoại giao và phải hoàn trả ngay khi tình huống cấp thiết không còn. Nếu các phương tiện bị hư hỏng hoặc bị mất thì đơn vị Cảnh sát nhân dân hữu quan có trách nhiệm bồi thường.

Điều 18

Trong trường hợp cấp thiết, để thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân được tạm đình chỉ đi lại ở những đoạn đường nhất định và phải giải toả ngay khi tình huống cấp thiết không còn ; tạm đình chỉ hoặc đình chỉ những việc làm có hại đến trật tự, an toàn xã hội và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định đó.

Điều 19

Để đuổi bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang có lệnh truy nã, để ngăn chặn tội phạm đang được thực hiện hoặc để loại trừ tai nạn, sự nguy hiểm trực tiếp đe dọa tính mạng của công dân, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân được vào chỗ ở của công dân, trụ sở của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội.

Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân trong khi làm nhiệm vụ có thể mời người chứng kiến hoặc yêu cầu người có vi phạm đến cơ quan cảnh sát để hỏi hoặc để họ trình bày về việc vi phạm trật tự, an toàn xã hội.

Điều 20